

HOSE 19/09/2014

VNINDEX 613.29 **-2.50 -0.41%**

KLGD 218,231,910 CP
GTGD 5,015.62 Tỷ
GTR NDTNN 38.49 Tỷ

CP Tăng giá 111 CP
CP Giảm giá 112 CP
CP Đứng giá 81 CP

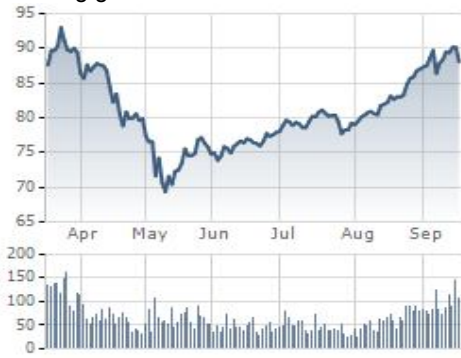


HNX 19/9/2014

HNXINDEX 88.89 0.81 0.92%

KLGD 90,440,554 CP
GTGD 1,397.07 Tỷ
GTR NDTNN - 253.95 Tỷ

CP Tăng giá 120 CP
CP Giảm giá 82 CP
CP Đứng giá 177 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 654.54 **-5.09 -0.77%**
HNX30 183.11 1.33 0.73%

Tâm điểm

- ▶ **Phiên ATC sôi động, 2 sàn đóng cửa trái chiều**
- ▶ **Thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức cao**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 6,400 tỷ đồng
- ▶ **ADB dự kiến tài trợ cho Việt Nam 1.24 tỷ USD năm 2015**
Giai đoạn 2015-2017, ADB dự kiến tiếp tục duy trì tài trợ cho Việt Nam 3.67 tỷ USD TTXVN
- ▶ **Các công ty đa quốc gia Mỹ đẩy mạnh đầu tư vào Việt Nam trong 12 tháng tới**
Theo kết quả cuộc khảo sát của KPMG Infonet
- ▶ **Mỹ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp mới trong tuần xuống thấp nhất 2 tháng**
Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp mới trong tuần trước giảm 36,000 đơn xuống 280,000 DVO/Market Watch
- ▶ **KSH: Điều chỉnh tăng lợi nhuận lên gấp hơn 4 lần**
Lợi nhuận sau thuế được điều chỉnh tăng từ 7.8 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **MWG: 8 tháng lãi sau thuế 423 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch năm**
Doanh thu 8 tháng đầu năm 2014 của MWG lên 9,570 tỷ đồng, đạt 73% kế hoạch Người Đồng Hành

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,099,048	15.4	3.3	19.7%	10.7%
HNX	143,303	14.6	1.8	9.2%	4.5%
Toàn bộ thị trường	1,242,351	17.1	3.2	18.8%	10.1%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,534	6.9	1.0	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,072	9.6	1.6	16.4%	11.2%
Thép và sản phẩm thép	38,891	17.0	2.2	20.6%	9.5%
Khai khoáng	12,174	63.4	5.6	0.3%	0.0%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,101	16.3	1.5	11.2%	7.5%
Xây dựng	32,235	47.5	1.3	-1.0%	2.1%
Máy công nghiệp	8,717	9.2	1.4	15.0%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,775	8.5	1.5	18.9%	13.7%
Lốp xe	8,498	10.6	3.0	27.6%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	20,609	11.8	1.8	16.9%	6.2%
Thực phẩm	198,091	24.2	4.8	20.4%	16.0%
Dược phẩm	15,234	10.6	2.9	24.8%	16.3%
Phần mềm	19,214	11.9	2.5	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	25,483	- 6.0	1.4	-15.0%	0.4%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	222,914	18.2	6.0	33.1%	22.7%
Bảo hiểm nhân thọ	29,056	23.8	2.5	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	28,583	14.4	1.6	9.5%	6.9%
Ngân hàng	242,567	11.2	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	166,334	17.2	2.9	21.0%	5.1%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	52,539	11.8	2.6	22.6%	9.5%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

ADB dự kiến tài trợ cho Việt Nam 1.24 tỷ USD năm 2015

Các công ty đa quốc gia Mỹ đẩy mạnh đầu tư vào Việt Nam trong 12 tháng tới

Mỹ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp mới trong tuần xuống thấp nhất 2 tháng

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

KSH: Điều chỉnh tăng lợi nhuận lên gấp hơn 4 lần

MWG: 8 tháng lãi sau thuế 423 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch năm

PAN: Dự kiến huy động hơn 725 tỷ đồng trong quý 4/2014

► Tin kinh tế

Ngày 18/9, tại Hà Nội, Thống đốc NH Nhà nước Việt Nam Nguyễn Văn Bình đã có buổi tiếp và làm việc với ngài Takehiko Nakao - Chủ tịch Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) nhân chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam. Tại buổi tiếp, Chủ tịch Takehiko Nakao đã đánh giá cao nỗ lực và sự phối hợp của hai bên trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án do ADB tài trợ và cải thiện đáng kể tỷ lệ giải ngân. Trong giai đoạn 1993-2013, ADB đã tài trợ cho Việt Nam là 12.5 tỷ USD, dự kiến năm 2014, ADB tài trợ khoảng 1.37 tỷ USD và năm 2015 là 1.24 tỷ USD.

Theo kết quả cuộc khảo sát của KPMG đối với các nhà điều hành doanh nghiệp Mỹ, Việt Nam được xếp vào nhóm top 4 các thị trường tăng trưởng mạnh trên toàn cầu đối với hoạt động đầu tư dự kiến của các công ty đa quốc gia Mỹ trong 12 tháng tới. Lý do của việc này là các thị trường như Việt Nam, Nigeria và Ấn Độ được dự báo sẽ là các thị trường có tốc độ tăng trưởng cao nhất ở mức 6% – 7% trong nhiều năm và nhiều thập kỷ tới. KPMG cũng cho biết, ngoài các nước trong khối BRIC thì Chile, Philippines, Argentina, Indonesia và Việt Nam là các nước giành được sự quan tâm lớn hơn của các cán bộ điều hành trong năm qua. Số công ty có kế hoạch đầu tư trên 5 triệu USD vào Việt Nam trong 12 tháng tới tăng từ 7% lên 9%.

Theo số liệu vừa được Bộ Lao động Mỹ công bố hôm nay 18/9, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần trước giảm 36,000 đơn xuống 280,000 đơn, chạm mức thấp nhất kể từ giữa tháng 7. Kết quả này tốt hơn dự đoán của các chuyên gia tham gia khảo sát của MarketWatch với kỳ vọng số đơn trong tuần trước giảm xuống mức 305,000 đơn. Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp mới trung bình trong vòng 4 tuần qua cũng giảm 4,750 đơn xuống 299,500 đơn. Ngoài ra, Bộ Lao động Mỹ cũng điều chỉnh số liệu tuần trước xuống 316,000 đơn. Số đơn tiếp tục xin trợ cấp thất nghiệp (phần ảnh số người thực sự nhận trợ cấp) giảm 60,000 đơn xuống 2,43 triệu đơn trong tuần kết thúc vào ngày 6/9.

► Tin doanh nghiệp

Tại ĐHCĐ bất thường 2014 CTCP Tập đoàn Khoáng sản Hamico (HOSE: KSH) ngày 17/9, Ban lãnh đạo KSH khẳng định, KSH sẽ “thay da đổi thịt” một cách đồng bộ từ quy mô vốn, hiệu quả kinh doanh tới tên Công ty, trụ sở, nhân sự và ngành nghề kinh doanh. Cụ thể, Ban lãnh đạo Công ty hoàn toàn mới, quy mô vốn lớn hơn (sau khi hoàn tất tăng vốn tăng từ 116.9 tỷ đồng lên 422.7 tỷ đồng); đổi tên thành CTCP Đầu tư và phát triển KSH; chuyển đổi trụ sở từ Hà Nam về 27 Hàng Bài, Hà Nội; bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh. Đồng thời, KSH cũng điều chỉnh tăng kế hoạch kinh doanh, như LNNT tăng từ 10.5 tỷ đồng lên 45 tỷ đồng; LNST tăng từ 7.8 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng; cổ tức tăng từ 2% lên 5%. Đặc biệt, dự kiến kế hoạch kinh doanh trong năm 2015 tăng khủng, với doanh thu 1,000 tỷ đồng; LNST 200 tỷ đồng.

CTCP Thế giới di động (HOSE: MWG) công bố báo cáo kết quả kinh doanh tháng 8, theo đó doanh thu tháng 8 của MWG đạt 1,317 tỷ đồng, nâng doanh thu lũy kế 8 tháng đầu năm 2014 lên 9,570 tỷ đồng, đạt 73% kế hoạch năm và tăng 68% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông MWG tháng 8 đạt trên 61 tỷ đồng, lũy kế 8 tháng đầu năm đạt 423 tỷ đồng, đạt trên 97% kế hoạch năm. Chỉ tính riêng trong tháng 8, chuỗi Thegioiiddong.com đã khai trương 15 siêu thị mới trên toàn quốc (binh quân 2 ngày/siêu thị) và chuỗi Dienmay.com đã khai trương 1 siêu thị mới trên đường Huỳnh Tấn Phát, Q7, HCM. Như vậy nếu tính từ đầu năm, chuỗi Thegioiiddong.com đã khai trương 45 siêu thị và Dienmay.com khai trương 1 siêu thị trên toàn quốc. Doanh thu trung bình của các siêu thị Thegioiiddong.com tăng 56% cùng kỳ năm trước còn Dienmay.com tăng 32% cùng kỳ năm trước

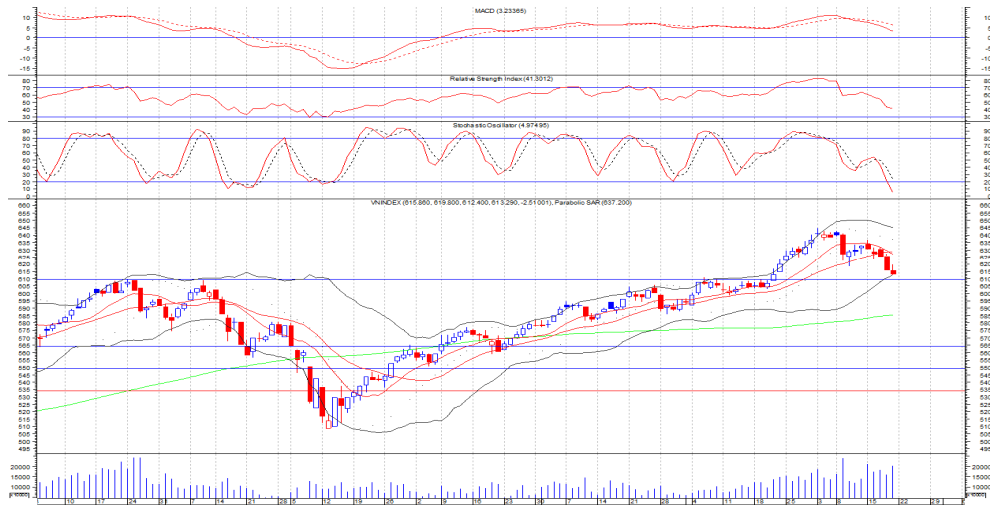
HĐQT CTCP Xuyên Thái Bình (HOSE: PAN) đã thông qua tổng số vốn cần huy động là 752.5 tỷ đồng bằng cách phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược. Mục đích để nâng cao năng lực tài chính Công ty, thực hiện chiến lược đầu tư, mua lại, hợp nhất các công ty trong ngành chế biến thực phẩm tiêu dùng. Cụ thể, PAN sẽ phát hành riêng lẻ không quá 25 triệu cổ phần cho tối đa 100 nhà đầu tư chiến lược với giá không thấp hơn 30,000 đồng/CP. Thời gian chào bán dự kiến là trong quý 4/2014. Cổ phiếu mới phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

HOSE 19/09/2014 VNINDEX 613.29 -2.50 -0.41% 218,231,910 CP 5,015.62 bil VND

Phiên ATC sôi động, 2 sản đóng cửa trái chiều

VN-Index giảm 2,51 điểm (-0.41%), đóng cửa tại mức 613,29 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến vừa phải, VN-Index tiếp tục giảm điểm và đuối ở cuối phiên trước áp lực cơ cấu danh mục của khối ngoại.

- MACD tiếp tục đi xuống và đây là tín hiệu khá xấu.
- Stochastic Oscillator giảm mạnh và đi sâu vào vùng quá bán.
- MA10, MA20 đã bị phá vỡ. VN-Index chạm đường Bollinger Bands phía dưới và hồi lại nhẹ.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.3 (2.6%)	48,970,200
ITA	-0.1 (-1.2%)	14,164,150
HAG	0.1 (0.4%)	7,188,330
GMD	0.5 (1.4%)	7,051,090
KDC	3.5 (6.0%)	6,945,350

HOSE Top 5 theo % tăng

AGF	1.6 (7.0%)	10,430
DQC	3.5 (6.9%)	221,870
TSC	2.6 (6.8%)	251,370
PPC	1.7 (6.7%)	5,740,860
TMT	0.9 (6.6%)	300,210

HOSE Top 5 theo % giảm

DPM	-3 (-9.0%)	5,734,670
SVI	-2.8 (-6.9%)	750
TMS	-2.4 (-6.9%)	170
STT	-0.4 (-6.7%)	1,750
RDP	-1.2 (-6.4%)	23,220

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

FLC	387,9 tỷ	32,342,400
KDC	343,2 tỷ	5,549,260
PPC	107,0 tỷ	3,956,810
IJC	64,5 tỷ	4,543,590
MSN	25,3 tỷ	292,160

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

GMD	-251,7 tỷ	7,172,800
DPM	-108,0 tỷ	3,498,010
BVH	-88,3 tỷ	2,186,630
ITA	-82,0 tỷ	9,756,110
HPG	-67,5 tỷ	1,200,850

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	7,678,820	38.49

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch cân bằng trở lại ở phiên hôm nay. Dù lực bán vẫn chi phối nhưng lượng cầu đã cân bằng hơn. VN-Index chỉ chịu giảm điểm lúc đóng cửa.
- ▶ KLGD gia tăng mạnh và đạt 203 triệu đơn vị. Đây là mức cao và nó cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với TT.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 613 tỷ. Đây là phiên các quỹ ETF chốt ngày đảo danh mục. Vì vậy lượng mua ròng này không quá bất ngờ với giới đầu tư.
- ▶ Áp lực bán vẫn tiếp tục diễn ra ở những phiên tới. VN-Index được hỗ trợ mạnh tại vùng 610 điểm. Nếu phá vỡ vùng này, TT sẽ hướng về vùng 600 điểm.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15%. Tuy nhiên, nếu VN-Index phá vỡ vùng 610 điểm thì NĐT nên dừng các quyết định mua.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	115.0	217,925.00	18.7	6.1	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	106.0	106,012.57	17.5	5.8	34.1%	27.1%
VIC	1,383.5	54.5	75,400.48	16.0	4.3	27.6%	6.2%
VCB	2,665.0	26.3	70,090.03	15.8	1.6	10.6%	1.0%
MSN	735.8	84.0	61,807.88	-1,501.9	4.3	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.5	53,989.37	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.9	39,075.72	9.7	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	100.0	30,303.69	13.1	2.8	22.7%	10.7%
BVH	680.5	40.0	27,218.86	23.8	2.5	10.2%	2.1%
HPG	481.9	56.0	26,986.86	10.0	2.6	28.3%	12.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

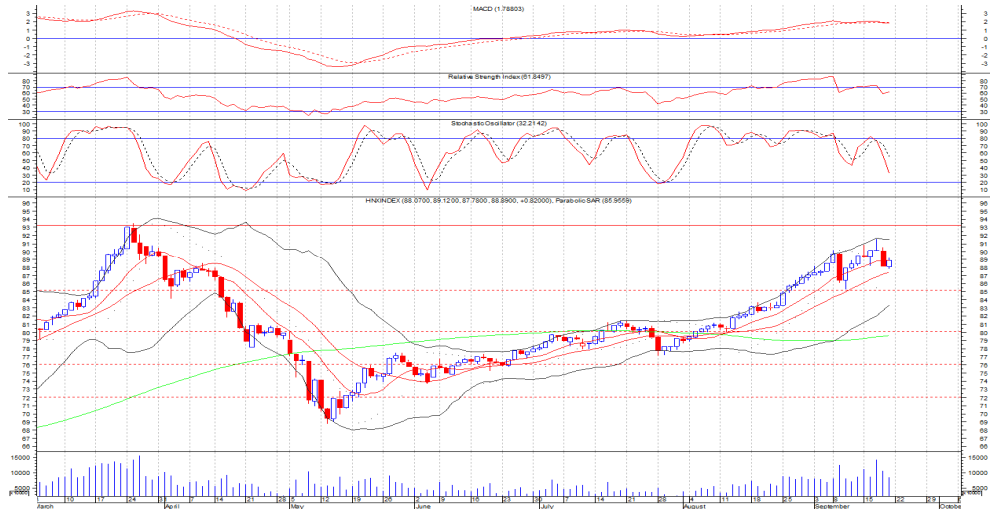
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.5	4,477.51	18.2	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	54.0	18,570.29	11.9	2.5	NA	TH.DOI
CII	115.5	20.4	2,356.75	7.8	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.6	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.1	674.33	4.7	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	23.6	651.60	2.6	1.0	NA	TH.DOI

HNX 19/09/2014 HNX-Index 88.89 0.81 0.92% 90,440,554 CP 1,397.07 bil. VND

Phiên ATC sôi động, 2 sản đóng cửa trái chiều

Chỉ số HNX-Index tăng 0.81 điểm (+0.92%), đóng cửa tại mốc 88.89 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến tương đối dài, HNX-Index hồi phục khá tốt sau phiên mất điểm ngày hôm qua.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục giảm mạnh.
- MACD cho tín hiệu bán. Đây là tín hiệu khá xấu.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 61.
- MA10, MA20 vẫn đang giữ xu hướng tăng, nhiều khả năng sẽ là ngưỡng hỗ trợ tốt cho HNX-Index trong những phiên tới.



HNX Top 5 theo KLGD

KLF	-0.3 (-2.3%)	9,872,260
PVS	1 (2.4%)	9,500,550
PVX	0.3 (5.0%)	8,723,250
SHB	-0.2 (-2.2%)	7,794,370
VCG	-0.1 (-0.7%)	7,385,520

HNX Top 5 theo % tăng

PIV	1 (10.0%)	200
SDC	1.3 (10.0%)	200
TET	1.8 (9.9%)	100
HHG	0.7 (9.9%)	441,500
BCC	1.3 (9.8%)	1,146,520

HNX Top 5 theo % giảm

CID	-0.5 (-10.0%)	100
LM3	-0.3 (-10.0%)	2,500
VNT	-3.9 (-10.0%)	2,200
VC1	-2 (-9.9%)	580
ALV	-0.6 (-9.5%)	800

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

BCC	6,7 tỷ	471,500
BVS	5,2 tỷ	324,300
KLF	1,0 tỷ	80,000
PVB	0,7 tỷ	10,900
CSC	0,4 tỷ	37,900

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-144,2 tỷ	3,424,600
VCG	-68,6 tỷ	4,933,900
SHB	-47,0 tỷ	5,162,600
PGS	-5,4 tỷ	137,300
VND	-3,4 tỷ	202,800

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-12,904,283	- 253.95

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT GD cân bằng trở lại ở phiên hôm nay. Dù lực bán vẫn chi phối nhưng lượng cầu đã cân bằng hơn. HNX-Index hồi phục tốt nhờ sự phục hồi của nhóm dầu khí.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 83 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng đây vẫn là mức cao. Điều này cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với TT.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 253 tỷ. Đây là phiên các quỹ ETF chốt ngày đảo danh mục. Vì vậy lượng bán ròng này ở HNX không quá bất ngờ.
- ▶ Áp lực bán vẫn tiếp tục diễn ra ở những phiên tới. HNX-Index được hỗ trợ mạnh tại vùng 87 điểm. Nếu phá vỡ vùng này, TT sẽ hướng về vùng 85 điểm.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15%. Tuy nhiên, nếu HNX-Index phá vỡ vùng 87 điểm thì NĐT nên dừng các quyết định mua.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	42.0	18,761.42	10.3	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	20.5	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.1	8,063.36	9.6	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	13.9	6,139.78	10.8	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.5	5,100.00	83.3	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.7	4,210.46	14.4	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.7	1.1	12.7%	5.7%
LAS	77.8	35.0	2,724.12	7.0	1.8	27.5%	15.2%
NTP	56.3	46.4	2,614.14	7.0	2.0	22.9%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	39.0	1,482.00	9.1	1.6	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.6	657.36	6.4	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.7	1,669.98	15.3	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.4	2,614.14	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	38.6	1,930.00	11.1	2.1	NA	TH.DOI
DXP	7.9	46.2	363.82	7.4	1.7	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,807.88	13.73%	84.0	#####	4.27	205,264	247,010	238,285
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	13.68%	54.5	15.99	4.30	2,405,795	2,262,025	1,219,821
HPG	HOSE	481.9	26,986.86	13.62%	56.0	9.98	2.63	826,576	1,056,842	922,280
PVD	HOSE	303.0	30,303.69	9.64%	100.0	13.05	2.76	876,242	620,001	429,285
HAG	HOSE	790.0	19,354.21	8.07%	24.5	16.51	1.41	3,152,245	3,589,783	2,879,348
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	7.65%	18.5	7.91	1.28	370,028	343,384	331,853
VCB	HOSE	2,665.0	70,090.03	6.07%	26.3	15.82	1.64	429,748	660,834	400,579
DPM	HOSE	379.9	11,550.00	5.32%	30.4	9.96	1.41	1,367,136	1,808,254	1,131,416
ITA	HOSE	718.9	6,038.81	3.07%	8.4	65.86	0.78	9,938,892	10,574,483	6,465,302
BVH	HOSE	680.5	27,218.86	2.45%	40.0	23.78	2.49	143,870	151,240	155,863
KBC	HOSE	389.8	5,261.76	2.33%	13.5	23.21	1.04	3,882,300	3,372,631	1,945,591
HSG	HOSE	96.3	4,112.57	2.28%	42.7	13.09	1.80	220,061	279,887	166,677
GMD	HOSE	116.1	4,076.44	1.97%	35.1	7.96	0.83	668,690	573,565	309,892
VSH	HOSE	206.2	2,949.25	1.58%	14.3	14.26	1.12	791,147	966,610	766,215
PPC	HOSE	318.2	8,621.99	1.47%	27.1	16.52	1.60	810,281	778,526	635,146
CSM	HOSE	67.3	2,994.49	1.45%	44.5	8.58	2.59	379,523	348,213	376,933
DRC	HOSE	83.1	4,735.21	1.34%	57.0	12.97	3.52	213,666	226,101	244,408
HVG	HOSE	132.0	3,761.99	1.24%	28.5	32.93	1.66	2,947,142	1,912,483	1,061,545
PVT	HOSE	255.9	4,477.51	1.16%	17.5	18.24	1.50	3,235,005	2,719,469	2,015,103
DIG	HOSE	178.7	2,323.67	1.06%	13.0	64.72	1.00	440,525	361,138	247,903
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	0.82%	11.2	41.34	1.06	3,762,734	3,711,546	2,225,024

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	7.67%	18.5	7.91	1.28	370,028	343,384	331,853
MSN	HOSE	735.8	61,807.88	7.43%	84.0	#####	4.27	205,264	247,010	238,285
VCB	HOSE	2,665.0	70,090.03	7.31%	26.3	15.82	1.64	429,748	660,834	400,579
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	6.29%	54.5	15.99	4.30	2,405,795	2,262,025	1,219,821
DPM	HOSE	379.9	11,550.00	5.63%	30.4	9.96	1.41	1,367,136	1,808,254	1,131,416
BVH	HOSE	680.5	27,218.86	5.63%	40.0	23.78	2.49	143,870	151,240	155,863
PVS	HNX	446.7	18,761.42	5.50%	42.0	10.33	2.19	5,636,278	4,840,636	3,492,878
PVD	HOSE	303.0	30,303.69	3.79%	100.0	13.05	2.76	876,242	620,001	429,285
ITA	HOSE	718.9	6,038.81	3.48%	8.4	65.86	0.78	9,938,892	10,574,483	6,465,302
SHB	HNX	886.1	8,063.36	3.36%	9.1	9.64	0.77	6,492,449	6,321,233	5,522,408
HAG	HOSE	790.0	19,354.21	3.27%	24.5	16.51	1.41	3,152,245	3,589,783	2,879,348
VCG	HNX	441.7	6,139.78	3.21%	13.9	10.81	1.11	1,618,277	1,342,759	1,041,473
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	2.07%	11.2	41.34	1.06	3,762,734	3,711,546	2,225,024
DRC	HOSE	83.1	4,735.21	1.52%	57.0	12.97	3.52	213,666	226,101	244,408
GMD	HOSE	116.1	4,076.44	1.49%	35.1	7.96	0.83	668,690	573,565	309,892
PPC	HOSE	318.2	8,621.99	1.32%	27.1	16.52	1.60	810,281	778,526	635,146
PVT	HOSE	255.9	4,477.51	1.16%	17.5	18.24	1.50	3,235,005	2,719,469	2,015,103
PVX	HNX	400.0	2,520.00	0.00%	6.3	- 1.94	3.24	12,333,293	11,647,851	8,114,035

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	0.00%	54.5	15.99	4.30	2,405,795	2,262,025	1,219,821
MSN	HOSE	735.8	61,807.88	0.00%	84.0	#####	4.27	205,264	247,010	238,285
DPM	HOSE	379.9	11,550.00	0.00%	30.4	9.96	1.41	1,367,136	1,808,254	1,131,416
HAG	HOSE	790.0	19,354.21	0.00%	24.5	16.51	1.41	3,152,245	3,589,783	2,879,348
VCB	HOSE	2,665.0	70,090.03	0.00%	26.3	15.82	1.64	429,748	660,834	400,579
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.00%	18.5	7.91	1.28	370,028	343,384	331,853
BVH	HOSE	680.5	27,218.86	0.00%	40.0	23.78	2.49	143,870	151,240	155,863
CTG	HOSE	3,723.4	53,989.37	0.00%	14.5	9.26	1.01	372,023	488,653	353,744
GAS	HOSE	1,895.0	217,925.00	0.00%	115.0	18.67	6.11	262,784	354,042	308,869

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,807.88	0.88%	84.0	#####	4.27	205,264	247,010	238,285
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	0.56%	54.5	15.99	4.30	2,405,795	2,262,025	1,219,821
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.31%	18.5	7.91	1.28	370,028	343,384	331,853
VCB	HOSE	2,665.0	70,090.03	0.24%	26.3	15.82	1.64	429,748	660,834	400,579
DPM	HOSE	379.9	11,550.00	0.15%	30.4	9.96	1.41	1,367,136	1,808,254	1,131,416
BVH	HOSE	680.5	27,218.86	0.08%	40.0	23.78	2.49	143,870	151,240	155,863

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,534	6.9	1.0	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,072	9.6	1.6	16.4%	11.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,532	23.5	0.8	3.5%	1.6%
Sản xuất giấy	847	7.4	0.9	12.7%	6.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,891	17.0	2.2	20.6%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,925	3.3	0.8	24.5%	5.3%
Khai khoáng	12,174	63.4	5.6	0.3%	0.0%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,101	16.3	1.5	11.2%	7.5%
Xây dựng	32,235	47.5	1.3	-1.0%	2.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,201	8.3	1.3	16.6%	8.5%
Công nghiệp phức hợp	833	6.9	1.6	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,377	6.9	1.0	13.5%	6.0%
Thiết bị điện	1,739	17.7	0.9	0.4%	-0.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	43	13.1	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,717	9.2	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,429	3.3	1.2	4.4%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,775	8.5	1.5	18.9%	13.7%
Dịch vụ vận tải	6,124	7.8	1.5	18.7%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,620	11.5	2.0	13.9%	6.9%
Đào tạo & Việc làm	230	9.6	0.7	8.6%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	188	8.3	0.8	11.2%	4.6%
Chất thải & Môi trường	181	2.7	0.8	35.4%	16.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,094	18.2	1.3	11.8%	6.3%
Lốp xe	8,498	10.6	3.0	27.6%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,575	7.9	1.3	15.5%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	287	12.8	2.0	15.8%	9.9%
Đồ uống & giải khát	232	6.7	1.2	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,609	11.8	1.8	16.9%	6.2%
Thực phẩm	198,091	24.2	4.8	20.4%	16.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	71	17.9	0.9	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,498	8.4	1.2	14.6%	7.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	555	43.8	1.4	3.3%	2.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,477	9.2	1.7	18.2%	7.2%
Giày dép	8	1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,248	9.7	1.8	18.1%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	737	8.2	1.1	-2.7%	3.5%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		1,044	17.0	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế		164	3.3	1.9	38.1%	16.3%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		198	9.1	1.2	13.4%	9.8%
Dược phẩm		15,234	10.6	2.9	24.8%	16.3%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		246	46.3	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		693	10.7	1.1	12.9%	7.6%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,825	10.4	1.7	16.6%	3.4%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,110	9.7	1.0	10.3%	7.3%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,676	72.8	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí		3,457	14.0	1.4	14.9%	12.3%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,586	19.7	3.2	22.9%	19.5%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		655	15.7	0.8	5.5%	2.0%
Internet		348	73.4	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm		19,214	11.9	2.5	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		457	15.8	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng		289	4.9	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông		11,863	30.7	7.1	34.0%	11.5%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		25,483	-	6.0	1.4	-15.0%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		222,914	18.2	6.0	33.1%	22.7%
Nước		1,290	6.9	1.2	17.0%	11.5%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,303	7.5	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,793	12.2	0.7	6.3%	2.6%
Tái bảo hiểm		2,726	8.7	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		29,056	23.8	2.5	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,360	41.3	1.1	2.5%	0.7%
Môi giới chứng khoán		28,583	14.4	1.6	9.5%	6.9%
Ngân hàng						
Ngân hàng		242,567	11.2	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		166,334	17.2	2.9	21.0%	5.1%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		12	3.1	0.9	34.7%	11.6%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		52,539	11.8	2.6	22.6%	9.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.